

# TIẾNG TRIÊNG: CÁC PHỤ ÂM

Bùi Đăng Bình \*

**Tóm tắt:** Bài viết miêu tả các phụ âm và các tổ hợp phụ âm tiếng Triêng ở 2 xã Đăk Dục và Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Danh sách 61 phụ âm đơn và tổ hợp phụ âm của tiếng Triêng trong bài được xác định bằng cách tuân thủ các nguyên lí phân xuất âm vị của âm vị học, ví dụ, trình bày các bối cảnh ngữ âm đồng nhất và các đối lập âm vị học là các từ khác nhau của tiếng Triêng. Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên về tiếng Triêng. Tư liệu gồm khoảng 2.000 từ tiếng Triêng được thu thập tại thực địa trong thời gian từ 26/9 đến 26/10/2022 bằng phương pháp cảm thụ thính giác, ví dụ, nghe trực tiếp một số nam và nữ Triêng nói và ghi chép bằng bộ chữ cái ngữ âm của Hiệp hội Ngữ âm học Quốc tế, phiên bản cập nhật năm 2018 (IPA 2018). Tư liệu sau đó được chúng tôi ghi âm bằng CoolEdit để lưu trữ phục vụ cho phân tích thực nghiệm tiếng Triêng sau này.

**Từ khóa:** Tiếng Triêng, phụ âm, tổ hợp phụ âm, âm vị, bối cảnh ngữ âm đồng nhất.

**Abstract:** This is a phonetic and phonological study of consonants and clusters of consonants of Trieng ethnic language spoken in villages in two mountaineous communes of Đăk Dục and Đăk Nông in Ngọc Hồi district in Kontum province in Vietnam. It is one of our various publications of Jeh Trieng language published in 15 years beginning in 2007 up to now. In this paper, an inventory of 61 Trieng consonants and clusters of consonants is discovered. Minimal pairs of Trieng words in which phonological contrasts are provided. Functions of consonants and clusters of consonants in words are referred to. Data was collected directly during September, 26th to October, 26th in 2022 with a list of over 2.000 lexical items. This data was spoken by some native Trieng speakers and was analysed afterward by hearing using phonetic symbols of International Phonetic Alphabet 2018 (abbreviated IPA 2018). Finally, it was recorded and saved in computer to analyse experimently in the future.

**Key words:** Trieng ethnic language, consonants, clusters of consonants, phonetic environment, minimal pair, minimal set, phonology.

## 1. Dẫn nhập

Triêng là tên tự gọi của một tộc người được xem là một nhóm địa phương thuộc dân tộc Giẻ Triêng (1979) cùng với ba nhóm địa phương Giẻ, Ve, Bhnong. Dân số Triêng hiện nay ước tính khoảng 8283 người (số liệu tổng hợp dân số Triêng ở hai xã Đăk Dục và Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, 2022). Họ sống thành 13 thôn làng (tiếng Triêng gọi là ɓut). Họ sống bằng nghề nông - lâm nghiệp chủ yếu là trồng cà phê, cao su, sắn, bời lời. Ở đây có 11 dân tộc cùng chung sống như Giẻ, Hlăng, Tày, Nùng, Kinh,...trong đó người Triêng và người Giẻ định cư sớm nhất.

Hệ thống phụ âm của tiếng Triêng phong phú, phức tạp, số lượng nhiều, có cả các phụ âm đơn lẫn các tổ hợp phụ âm.

\* Viện Ngôn ngữ học;

Giảng viên thỉnh giảng Trường ĐH KD&CN Hà Nội

Có hai danh sách, một bao gồm các phụ âm và các tổ hợp phụ âm đầu và một bao gồm các phụ âm và các tổ hợp phụ âm cuối. Các phụ âm tiếng Triêng được xác định bằng ngữ âm học phát âm với các đặc điểm về vị trí phát âm, phương thức phát âm, tiếng thanh, cơ chế luồng hơi, vv... Đặc biệt, bốn sinh âm khác nhau của tiếng Triêng được phân ánh: sinh âm bình thường (SÂBT), sinh âm thờ (SÂT), sinh âm tắc mũi (SÂTM), sinh âm xát mũi (SÂXM). Cuối cùng, nguyên lí phân xuất âm vị học được vận dụng để làm việc với hệ thống phụ âm và tổ hợp phụ âm của tiếng Triêng (Trubetzkoj, 1969. *Nguyên lí âm vị học.*).

Kết quả nghiên cứu cho thấy trong tiếng Triêng hiện nay có tất cả 76 phụ âm và tổ hợp phụ âm, trong đó:

+ 61 phụ âm đơn và tổ hợp phụ âm làm âm đầu, trong đó, có 46 phụ âm đơn và 16 tổ hợp hai phụ âm,

+ 15 phụ âm đơn và tổ hợp hai phụ âm làm âm cuối, trong đó, có 12 phụ âm đơn và 3 tổ hợp hai phụ âm.

Dưới đây là phần giới thiệu các danh sách này.

**1.1. Phụ âm đầu tiếng Triêng**

Tiếng Triêng có 46 phụ âm đơn và 15 tổ hợp hai phụ âm làm âm đầu. Các phụ âm tiếng Triêng phân biệt nhau về vị trí phát âm, phương thức phát âm, tiếng thanh, bật hơi,... đặc biệt, tiếng Triêng dùng 4 loại sinh âm khác nhau để tạo nên các đối lập âm vị học của nhiều phụ âm. Có một phụ âm /hɲ/ dùng đồng thời hai loại sinh âm khác nhau: SÂXM + SÂT. Điều này khiến cho việc xác định đặc điểm ngữ âm của phụ âm /hɲ/ khó khăn: là vô thanh hay hữu thanh?

Dưới đây chúng tôi giới thiệu danh sách 46 phụ âm đầu đơn và 16 tổ hợp hai phụ âm của tiếng Triêng hiện nay.

*1.1.1. Danh sách bốn mươi sáu phụ âm đầu đơn*

V trí Pthức		Hai môi	Môi-răng	Lợi - đầu lưỡi	Quặt	Mặt lưỡi - Ngạc	Mạc	Lưỡi con	Họng
Tắc nổ	SÂBT	p		t	t̚	c	k g	q	ʔ
	SÂT		b̚	t̚ d̚					
Bật hơi			p <sup>h</sup>	t <sup>h</sup>			k <sup>h</sup>		
Mũi	SÂTM	m̚		ɲ		ɲ	ɲ		
	SÂBT	m		n		ɲ	ɲ		
	SÂXM	hm		hn		hɲ	hɲ		
	SÂT	m̚		ɲ			ɲ		
	SÂXMT			hɲ					
Rung	SÂBT			r					
	SÂTM			r̚					

<b>Xát</b>	V. thanh			s	ʃ					h
	H. thanh		v	z	ẓ			]		
<b>Lông</b>	SÂBT		u					j		
	SÂTM							j		
<b>Lông bên</b>	SÂBT	SÂBT			l					
		SÂTM			ḷ					
	SÂT				ḷ					
	SÂXM				hl					

**Bảng 1: Danh sách 46 phụ âm đầu đơn tiếng Triêng**

Các đặc điểm phát âm và sinh âm của các phụ âm đơn này được miêu tả ở dưới đây:

**a) Các phụ âm tắc, vô thanh /p t ṭ c k g q ʔ/**

/p/. Đây là phụ âm hai môi, tắc, vô thanh. Khi phát âm /p/, người nói mím hai môi lại tạo nên một chướng ngại. Luồng hơi đi ra từ phổi gặp và phá vỡ chướng ngại và thoát ra ngoài tạo thành một tiếng nổ nhẹ. Trong quá trình này không có sự rung động/ dao động của dây thanh. Sau đây là một số từ có phụ âm /p/ và các đối lập âm vị học của nó trong tiếng Triêng hiện nay:

<b>/p/ và các đối lập âm vị học</b>	<b>Các từ tiếng Triêng ví dụ</b>	<b>Nghĩa tiếng Việt</b>
/p/ - /t/ - /c/ - /k/ - /ḅ/	puh - tuh - cuh - kuh - ɸuh	‘nóng’ - ‘vấp’ - ‘ném’ - ‘đôi’ - ‘luộc’

**Bảng 2: Phụ âm /p/ và một số cặp tối thiểu trong tiếng Triêng hiện nay**

/t/. Là phụ âm tắc, vô thanh, lợi - đầu lưỡi. Khi phát âm /t/, hai môi tạo thành một cản tắc. Luồng hơi đi từ phổi ra, phá vỡ cản tắc, thoát ra ngoài. Trong quá trình này các dây thanh không rung. Sau đây là một số từ tiếng Triêng có phụ âm /t/ và các đối lập âm vị học của nó:

<b>/t/ và các đối lập tối thiểu âm vị học</b>	<b>Các từ tiếng Triêng</b>	<b>Nghĩa tiếng Việt</b>
/t/ - /p/ - /ṭ/	təʔ - pəʔ - ṭəʔ	‘nắng’ - ‘tròn’ - ‘giống (nhau)’

**Bảng 3: Phụ âm /t/ và một số cặp tối thiểu trong tiếng Triêng hiện nay**

/ṭ/. Là phụ âm tắc, vô thanh, quặt lưỡi. Khi phát âm /ṭ/, lưỡi cong lại tạo thành một cản tắc và luồng hơi thoát ra từ phổi phải phá vỡ cản tắc. Trong quá trình phát âm /ṭ/, hai dây thanh không rung. Sau đây là một số từ tiếng Triêng có phụ âm /ṭ/ và các đối lập âm vị học của nó:

<b>/ṭ/ và các đối lập tối thiểu âm vị học</b>	<b>Các từ tiếng Triêng</b>	<b>Nghĩa tiếng Việt</b>
/ṭ/ - /p/ - /k/	ṭəm - pəm - kəm	‘(cái) lỗ’ - ‘(nuốt) chứng’ - ‘(gió) thổi’

**Bảng 4: Phụ âm /ṭ/ và một số cặp tối thiểu trong tiếng Triêng hiện nay**

/c/. Đây là phụ âm mặt lưỡi - ngạc cứng, tắc, vô thanh. Khi phát âm /c/, lưỡi nâng lên áp sát vòm miệng trên tạo thành một chướng ngại và luồng hơi từ phổi đi ra phải

phá vỡ chướng ngại, thoát ra ngoài. Khi phát âm /c/, dây thanh không rung. Một số từ có phụ âm /c/:

/t/ và các đối lập tối thiểu âm vị học	Các từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt
/c/ - /p/ - /t/	cot - pot - tot	‘ngủ’ - ‘nhỏ (mạ)’ - ‘đốt (xương)’

Bảng 5: Phụ âm /c/ và một số cặp tối thiểu trong tiếng Triêng hiện nay

Cặp phụ âm /k/ - /g/. Đây là hai phụ âm mặc hay ngạc mềm tắc nỏ trong đó /k/ vô thanh còn /g/ hữu thanh. Hai phụ âm này được phát âm ở cùng một vị trí và khác nhau về thanh tính: có/không có rung động của dây thanh. Sau đây là một số từ tiếng Triêng có hai phụ âm /k/ - /g/:

/k/, /g/ và các cặp tối thiểu	Các từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt
/k/ - /p/	ku - pu; kaŋ - paŋ	‘cồng, cúi’ - ‘tổ, kén’; ‘cầm’ - ‘bàn (tay, chân)’
/g/ - /p/ - /ɣ/	geh (họ) - peh (mặt) - ɣeh	‘bể (ngô)’ - ‘nháy (mắt)’ - ‘bể’

Bảng 6: Các phụ âm /k/, /g/ tiếng Triêng và một số cặp tối thiểu

/q/ và /ʔ/. Là phụ âm lưỡi con và phụ âm hầu, tắc, vô thanh. Hai phụ âm này giống nhau về phương thức phát âm và khác nhau về vị trí phát âm. Một số từ có hai phụ âm /q/ và /ʔ/:

/q/, /ʔ/ và các cặp tối thiểu	Các từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt
/q/ - /t/ - /c/ - /b/	qɔ - tɔ - cɔ - bɔ	‘chồng, trai’ - ‘(cái) giỏ’ - ‘(con) chó’ - ‘ngô’
/ʔ/ - /p/; /ʔ/ - /k/	ʔɣt - pɣt; ʔah - kah	‘cút, ráy (tai)’ - ‘tai’; ‘em’ - ‘băm (động từ)’

Bảng 7: Các phụ âm /q/, /ʔ/ tiếng Triêng và một số cặp tối thiểu

b) Các phụ âm tắc nỏ, thờ /b ɿ d/.

Ba phụ âm /b ɿ d/ giống nhau về phương thức phát âm, khác nhau về vị trí phát âm. Phương thức phát âm của chúng là tắc, nỏ, hữu thanh và thờ, tức là cách thức luồng hơi đi ra từ phổi và thoát ra ngoài khác với phương thức phát âm của 8 phụ âm tắc, vô thanh /p t ɿ c k g q ʔ/. Về vị trí phát âm thì /b/ là một phụ âm hai môi, /t/ và /d/ đều là các âm lợi - đầu lưỡi, trong đó /t/ vô thanh, còn /d/ hữu thanh. Sau đây là ví dụ một số từ có 3 phụ âm /b ɿ d/:

/b/, /t/, /d/ và các cặp tối thiểu	Các từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt
/b/ - /t/; /b/ - /p/ - /m/	b]ap - tap; bɔʔ - poʔ - mɔʔ	‘bố, cha’ - ‘vỗ (tay)’; ‘ông’ - ‘tròn’ - ‘xấu, bẩn’
/t/ - /m/; /t/ - /l/; /t/ - /b/	t]ɣ]k - mɣk; tɛp - lep; tɔ - bɔ	‘đá (động từ)’ - ‘dao phát’; ‘bẹp’ - ‘trải ra’; ‘dạy’ - ‘ngô’
/d/ - /q/ - /ʔ/ - /ɿ/	ɖak - qak - ʔak - ɿak	‘nước’ - ‘bụng, ruột’ - ‘(con) quạ’ - ‘ghèn, dử (mắt)’

Bảng 8: Các phụ âm /b ɿ d/ tiếng Triêng và một số cặp tối thiểu

Trong các phụ âm /ḅ ɗ ɗ̣/ thì 2 phụ âm /ḅ ɗ̣/ đều có 2 biến thể: /ḅ/ có 2 biến thể [ḅ] và [b], /ɗ̣/ có 2 biến thể [ɗ̣] và [d]. Chúng khác nhau ở đặc điểm ± thờ: các biến thể [ḅ] và [ɗ̣] có đặc trưng ‘thờ’, còn các biến thể [b] và [d] thì không có. Các biến thể [ḅ] và [ɗ̣] phổ biến hơn so với các biến thể [b] và [d], theo nghĩa chúng xuất hiện ở nhiều từ hơn.

- Một số ví dụ về 2 biến thể [ḅ] và [b]:

TT	Biến thể [ḅ]		Biến thể [b]	
	Từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt	Từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt
1	bem	mép	ṃýt bak	rau tàu bay
2	bap	bó	ce? habi	rau cải
3	ḅɣp	gấp	ka buu	cá sấu
4	ḅaɲ	ngã, đồ	sor boh	thơm
5	ḅoh (kʰl)	đụng (đầu)	bil (pʰam)	cằm (máu)
6	ḅok	múc	bar	2 (số đếm)
7	ḅɣm	ngậm (kẹo)		
8	ḅum / ḅuom	khoai, củ		
9	ḅũh	thui, nướng		
10	ḅuh	luộc		
11	ḅuoh	men rượu		
12	ḅah	muối		
13	ḅɣr	mòm, ngôn ngữ		
14	ḅil	(cái) chiếu		
15	(ce) ḅil	làm lờ/nhờ		
16	ḅil	mát (đồ)		
17	ḅo	ngô		
18	ḅo?	ông		
19	kaḅaɲ	(cây) lau		
20	ḅiew	càng (cua)		
21	ḅeh	(con) rắn		
22	ḅoal	thần lẩn		
23	ḅjoal	tê tê		
24	(ka) ḅur	(cá) uon		
25	ḅah	(màu) vàng		
26	ḅok	(màu) trắng		
27	raḅăt	mềm		
28	ḅiɲ	đây		
29	ḅɣw	ai		
30	raḅɣw	ngành, ngàn		
31	raḅat	yếu		
32	raḅat raḅɣr	yếu ớt, yếu đuối		

*Bảng 9. Hai biến thể [ḅ] và [b] của một âm vị /ḅ/*

- Một số ví dụ về 2 biến thể [ɗ] và [d]:

TT	Biến thể [ɗ]		Biến thể [d]	
	Từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt	Từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt
1	ɗak	nước	diŋ d]ʒŋ	cầu vòng
2	ɗok	óc, nảo	ladum	dưới
3	ɗa	chị dâu	(teh) da	(nói) lấp, cà lăm
4	ɗol	no	ɗuʔ ɗot	ngạc nhiên, sững sốt
5	ɗol siel	no nê	diŋ ɗʒŋ	cầu vòng
6	ɗum	dưới (giới từ)	ladum	dưới
7	ɗar ɗur	nút nẻ		
8	ɗuʔ	anh		
9	ɗoʔ	thích, muốn		
10	ɗeŋ	sinh, đẻ		
11	ɗih	thức		
12	ɗʒj	ngủ		
13	kaɗaʔ (muh)	ngạt (mũi)		
14	ɗʒk	lên		
15	ɗʒh	sớm		
16	ɗah	nhỏ giọt		
17	ɗet	bóp		
18	haɗʒk	sặc		
19	haɗeh	búng		
20	ɗʒp	đậy, phủ, che		
21	ɗet	chấn (lối đi)		
22	ɗʒn (cal)	chấn (gió)		
23	ɗaŋ	tìm, kiếm		
24	ɗoŋ	nhìn, xem		
25	ɗoh	nỏ		
26	ɗʒʔ	yêu (trao gái)		
27	ɗih	nhớ (không quên)		
28	ɗwal	rán, kho		
29	ɗuăj	(cái) bát		
30	kaɗop	(cái) nắp hòm		
31	(ksaj) ɗet	(com) tẻ		
32	ɗoh	bồng (thóc)		
33	ɗiʔ	riêng		
34	kaɗoh	vỏ		
35	(măj) ɗuk	đòng đòng		
36	kaɗʒk	bí đao/ xanh		

37	paḁoh	dẻ		
38	kaḁiem	(củ) kiệu		
39	ḁḁk	cám		
40	(plăj) raḁe	(quả) cà chua		
41	ce? ḁa?	dưa chua		
42	ḁeḁ	(người, trâu bò) đê		
43	ḁak	con khi		
44	raḁu	hồ		
45	ḁet	lành		
46	kaḁeh	khỏe		
47	kaḁeh kaḁo?	khỏe khoắn		
48	ḁan	sương		
49	(mă) ḁaḁ	(thóc) mảy		
50	ḁun	lâu		
51	paḁăm	5 (số đếm)		
52	(ḁăj) ḁoh	(ngày) mai		
53	ḁăp ḁăr	xung quanh		
54	haḁa (ti)	gang (tay)		
55	ḁḁḁ	đứng		
56	kaḁoḁ	bận		
57	kaḁoḁ kaḁiek	bận bịu		

Bảng 10. Hai biến thể [ḁ] và [d] của một âm vị /ḁ/

c) Các phụ âm bật hơi /p<sup>h</sup> t<sup>h</sup> k<sup>h</sup>/

Đây là 3 phụ âm bật hơi, vô thanh. Ba phụ âm này giống nhau về phương thức, khác nhau về vị trí phát âm: /p<sup>h</sup>/ là phụ âm môi - răng, /t<sup>h</sup>/ là âm đầu lưỡi - lợi, còn /k<sup>h</sup>/ là phụ âm mạc hay ngạc mềm. Trong số 3 âm này thì hai phụ âm /p<sup>h</sup>/ và /k<sup>h</sup>/ đều có 2 biến thể: phụ âm /p<sup>h</sup>/ có 2 biến thể [p<sup>h</sup>] và [f], phụ âm /k<sup>h</sup>/ có 2 biến thể [k<sup>h</sup>] và [χ]. Hai biến thể [p<sup>h</sup>] và [f] giống nhau về vị trí phát âm và khác nhau về phương thức: [p<sup>h</sup>] là phụ âm bật hơi còn [f] là phụ âm xát. Trong hai biến thể này thì [p<sup>h</sup>] phổ biến hơn [f], vì nó xuất hiện trong nhiều từ hơn. Hai biến thể [k<sup>h</sup>] và [χ] khác nhau cả về vị trí phát âm lẫn phương thức phát âm: [k<sup>h</sup>] là âm ngạc mềm, bật hơi, vô thanh, còn [χ] là phụ âm lưỡi con, xát. Trong hai biến thể này thì [k<sup>h</sup>] xuất hiện ở nhiều từ hơn so với [χ]. Dưới đây là một số từ tiếng Triêng có các biến thể này.

- Các từ tiếng Triêng có biến thể [p<sup>h</sup>] và [f]:

TT	Biến thể [p <sup>h</sup> ]		Biến thể [f]	
	Từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt	Từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt
1	p <sup>h</sup> ăl	(trời) âm u/ u âm / tối tăm	fier (tḁḁ)	‘lạc (đường)’
2	p <sup>h</sup> ăl p <sup>h</sup> oḁ	tối tăm, u âm		
3	p <sup>h</sup> am	máu		
4	p <sup>h</sup> oḁl	linh hồn		

5	p <sup>h</sup> aŋ	đổi		
6	p <sup>h</sup> eʔ	trâu trắng		
7	p <sup>h</sup> ɛ	gạo		
8	p <sup>h</sup> i	rái cá		

Bảng 11. Hai biến thể [p<sup>h</sup>] và [f] của một âm vị /p<sup>h</sup>/

- Các từ tiếng Triêng có biến thể [k<sup>h</sup>] và [χ]:

TT	Biến thể [k <sup>h</sup> ]		Biến thể [χ]	
	Từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt	Từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt
1	k <sup>h</sup> ăj	trắng, tháng	χrak	khắc
2	k <sup>h</sup> uol	gia đình		
3	k <sup>h</sup> aŋ	đeo		
4	k <sup>h</sup> iɛp	cấp (nách)		
5	k <sup>h</sup> ɔŋ	cháy		
6	k <sup>h</sup> um	(cái) chặn		
7	k <sup>h</sup> aʔ (piew)	lùa (trâu)		
8	k <sup>h</sup> ɛŋ	(cái) khăn		
9	k <sup>h</sup> ăj	bưởi		
10	(ksaj) k <sup>h</sup> ɔŋ	(com) cháy		
11	(ksaj) k <sup>h</sup> iɛr	(com) khô		
12	(cɛʔ) k <sup>h</sup> ɛl	(canh) mặn		
13	sɔr k <sup>h</sup> iŋ	khai		
14	k <sup>h</sup> iet	chết		
15	k <sup>h</sup> ɛl	mặn		

Bảng 11. Hai biến thể [k<sup>h</sup>] và [χ] của một âm vị /k<sup>h</sup>/

d) Các phụ âm tắc, mũi, vô thanh /m̥ n̥ ɲ̥ ɳ̥/

Đây là các phụ âm tắc, mũi, vô thanh sử dụng một loại sinh âm hay chất giọng kệt (creaky voice). Các phụ âm này giống nhau về phương thức phát âm, khác nhau về vị trí phát âm: /m̥/ là phụ âm hai môi, /n̥/ là phụ âm lợi - đầu lưỡi, /ɲ̥/ là phụ âm mặt lưỡi - ngạc cứng, và /ɳ̥/ là phụ âm ngạc mềm. Sau đây là một số từ tiếng Triêng có các phụ âm này.

/m̥/, /n̥/, /ɲ̥/, /ɳ̥/ và các cặp tối thiểu	Các từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt
/m̥/ - /z̥/ - /ɲ̥/; /m̥/ - /p̥/ - /t̥/ - /b̥/	m̥ɔɣ - z̥ɔɣ - ɲ̥ɔɣ; m̥oʔ - poʔ - toʔ - ɔoʔ	‘mưa’ - ‘mây (đại từ nhân xưng, ngôi 2, số ít)’ - ‘nhà’; ‘xấu, bẩn’ - ‘tròn’ - ‘thêm, nữa’ - ‘ông’
/n̥/ - /p̥/ - /t̥/ - /p <sup>h</sup> /	n̥i - pi - ti - p <sup>h</sup> i	‘nó (có quen biết)’ - ‘(bò) sê, mẹ’ - ‘tay’ - ‘rái cá’
/ɲ̥/ - /m̥/ - /t̥/ - /z̥/	ɲ̥oŋ - moŋ - toŋ - zoŋ	‘đen’ - ‘cành’ - ‘trộm, cắp’ - ‘chân’
/ɳ̥/ - /t̥/ - /b̥/ - /y/	ɳ̥ap - tap - ɔap - ɣap	‘ngáp, ngợp’ - ‘vỗ (tay)’ - ‘bổ, ba, cha’ - ‘(cái) kẹp tóc’

Bảng 12: Các phụ âm /m̥ n̥ ɲ̥ ɳ̥/ tiếng Triêng và một số cặp tối thiểu

e) Các phụ âm mũi, hữu thanh, sinh âm bình thường /m n ɲ ŋ/

Đây là các phụ âm mũi, hữu thanh, sinh âm bình thường. Chúng khác nhau về vị trí phát âm: /m/ là phụ âm hai môi, /n/ là phụ âm lợi - đầu lưỡi, /ɲ/ là phụ âm mặt lưỡi - ngạc cứng, và /ŋ/ là phụ âm ngạc mềm. Sự khác nhau giữa loạt phụ âm /m n ɲ ŋ/ và loạt phụ âm /m̥ n̥ ɲ̥ ŋ̥/ ở hai đặc điểm: i) loại sinh âm, nếu các phụ âm /m n ɲ ŋ/ có sinh âm thường thì các phụ âm /m̥ n̥ ɲ̥ ŋ̥/ có sinh âm tắc, và ii) thanh tính, nếu các phụ âm /m̥ n̥ ɲ̥ ŋ̥/ vô thanh thì các phụ âm /m n ɲ ŋ/ là hữu thanh. Ví dụ một số từ có các phụ âm /m n ɲ ŋ/:

/m/, /n/, /ɲ/, /ŋ/ và các cặp tối thiểu	Các từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt
/m/ - /t/ - /p/; /m/ - /p/ - /k/ - /c/	mă̌t - tăt - păt; muh - puh - kuh - cuh	‘mắt’ - ‘đút’ - ‘tắt’; ‘mũi’ - ‘nóng’ - ‘đôi’ - ‘ném’
/n/ - /p/ - /ɲ/ - /ɲ/	naʔ - paʔ - ɲaʔ - ɲaʔ	‘gói, bọc’ - ‘tại, chỗ, ở’ - ‘già’ - ‘bã (rượu), xác (chết)’
/ɲ/ - /ɲ̥/ - /m/ - /t/	ɲă̌ŋ - ɲă̌ŋ - mǎ̌ŋ - tǎ̌ŋ	‘nghe thấy’ - ‘đăng’ - ‘đêm’ - ‘mông’
/ŋ/ - /t/ - /p/ - /k <sup>h</sup> /	ŋă̌j - tǎ̌j - plă̌j - k <sup>h</sup> ă̌j	‘ngày’ - ‘vợ’ - ‘quả, trái’ - ‘trăng, tháng’

Bảng 13: Các phụ âm /m n ɲ ŋ/ tiếng Triêng và một số cặp tối thiểu

f) Các phụ âm mũi, xát, vô thanh /hm hn hɲ hŋ/

Các phụ âm trong dãy /hm hn hɲ hŋ/ phân biệt với các phụ âm tương ứng trong dãy /m n ɲ ŋ/ và /m̥ n̥ ɲ̥ ŋ̥/ ở 2 đặc điểm sinh âm và tiếng thanh. Các phụ âm /hm hn hɲ hŋ/ là các phụ âm mũi, vô thanh, có sinh âm xát, các phụ âm /m̥ n̥ ɲ̥ ŋ̥/ là các phụ âm mũi, vô thanh, có sinh âm tắc, còn các phụ âm /m n ɲ ŋ/ là các phụ âm mũi, hữu thanh, có sinh âm bình thường. Sau đây là ví dụ các từ tiếng Triêng có các phụ âm /hm hn hɲ hŋ/.

/hm/, /hn/, /hɲ/, /hŋ/ và các cặp tối thiểu	Các từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt
/hm/ - /p/ - /ɲ/ - /ɲ/	hmă̌ŋ - pă̌ŋ - ɲă̌ŋ - lă̌ŋ	‘bằng, phẳng’ - ‘đóng’ - ‘rừng’ - ‘mỡ, béo’
/hn/ - /v/ - /t/ - /t/	hneh - veh - teh - ṭeh	‘đất’ - ‘tránh, rẽ’ - ‘chặt (động từ)’ - ‘nói’
/hɲ/ - /ɲ̥/ - /l/; /hŋ/ - /d/ - /l/	hɲuom - bɲuom - luom; hŋă̌ŋ - dă̌ŋ - lă̌ŋ	‘trẻ’ - ‘củ, khoai’ - ‘ngập’; ‘cầm, xách’ - ‘rừng’ - ‘mỡ, béo’

Bảng 14: Các phụ âm /hm hn hɲ hŋ/ tiếng Triêng và một số cặp tối thiểu

g) Các phụ âm mũi, hữu thanh, thở /m̥ n̥ ɲ̥/

Đây là các phụ âm mũi, hữu thanh, thở. Chúng khác với các phụ âm mũi tương ứng khác như /m n ɲ/, /m̥ n̥ ɲ̥/, và /hm hn hɲ/ ở 2 đặc điểm loại sinh âm và tiếng thanh. Các phụ âm mũi này dùng loại sinh âm thở. Dưới đây là một số từ tiếng Triêng có các phụ âm này.

<b>/m/, /n/, /ŋ/ và các cặp tối thiểu</b>	<b>Các từ tiếng Triêng</b>	<b>Nghĩa tiếng Việt</b>
/m/ - /d/ - /h/ - /s/	maʔ - daʔ - hnaʔ - haʔ - saʔ	‘đắp (đất)’ - ‘già’ - ‘đoạn, nửa’ - ‘xé’ - ‘vãi (thóc)’
/n/ - /d/ - /kl/ - /ɣ/ - /p/	neh - deh - kleh - ɣeh - peh (mắt)	‘đánh thức’ - ‘(cái) lược’ - ‘huých’ - ‘bẻ’ - ‘nháy (mắt)’
/ŋ/ - /j/ - /ks/ - /s/	ŋaj - ɲaj - ksaj - saj (ka)	‘người’ - ‘rượu’ - ‘cơm’ - ‘câu (cá)’

**Bảng 15: Các phụ âm /m n ŋ/ tiếng Triêng và một số cặp tối thiểu**

**h) Phụ âm mũi, xát, hữu thanh, thờ /hŋ/**

Đây là một phụ âm dùng đồng thời 2 loại sinh âm khác nhau, một sinh âm khác nhau, một sinh âm xát. Sự có mặt đồng thời của 2 loại sinh âm khác nhau trong khi phát âm âm mũi /n/ đã khiến cho việc xác định nét thanh tính của phụ âm này gặp phải khó khăn, là hữu thanh hay vô thanh. Theo Bộ Chữ cái Ngữ âm học Quốc tế phiên bản cập nhật năm 2018 (IPA 2018) thì một phụ âm hoặc là vô thanh hoặc hữu thanh và không có phụ âm nào vừa vô thanh vừa hữu thanh. Tuy nhiên, trong trường hợp này rất khó xác định phụ âm /hŋ/ là phụ âm hữu thanh hay phụ âm vô thanh. Dưới đây là một số từ tiếng Triêng có phụ âm này.

<b>/hŋ/ và các cặp tối thiểu</b>	<b>Các từ tiếng Triêng</b>	<b>Nghĩa tiếng Việt</b>
/hŋ/ - /j/ - /d/ - /t/	hŋaŋ (ʔier) - ɲaŋ - ɟaŋ - ɟaŋ (piew)	‘cựa (gà)’ - ‘thăng’ - ‘tim, kiếm’ - ‘tìm (trâu)’

**Bảng 16: Phụ âm /hŋ/ tiếng Triêng và một số cặp tối thiểu**

**i) Các phụ âm rung /r/ và /r̥/**

Đây là 2 phụ âm lợi - đầu lưỡi, rung, trong đó /r/ hữu thanh, còn /r̥/ vô thanh. Sự phân biệt /r/ và /r̥/ là do tiếng Triêng sử dụng 2 loại sinh âm bình thường và nghẹt/ kẹt: /r/ là sinh âm bình thường còn /r̥/ là sinh âm nghẹt. Dưới đây là một số từ tiếng Triêng có các phụ âm này.

<b>/r/, /r̥/ và các cặp tối thiểu</b>	<b>Các từ tiếng Triêng</b>	<b>Nghĩa tiếng Việt</b>
/r/ - /k/ - /bɺ/ - /pɺ/ - /d/	rəh - kəh - bɺh - pɺh - dəh	‘rơi, rụng’ - ‘vốt’ - ‘bảo, dạy’ - ‘(cái) cửa’ - ‘chảy (máu, nước mũi)’
/r̥/ - /s/ - /z/; /r̥/ - /c/ - /hn/ - /b/	r̥ək - sək - zək; r̥ək - cək - hnək - bək	‘trón, nấp, ẩn’ - ‘tóc, lông’ - ‘mút’; ‘xúc (cơm)’ - ‘tên, mình, cơ thể’ - ‘bước’ - ‘qua’

**Bảng 17: Các phụ âm rung /r/ và /r̥/ tiếng Triêng và một số cặp tối thiểu**

**k) Các phụ âm xát /s ʂ h v z z̥ ɣ/**

Tiếng Triêng ở thôn Dục Nhầy có 7 phụ âm xát. Căn cứ vào tiếng thanh, các phụ âm xát tiếng Triêng có thể được chia thành 2 nhóm: các phụ âm xát, vô thanh /s ʂ h/ và các phụ âm xát, hữu thanh /v z z̥ ɣ/. Các phụ âm xát hữu thanh khác nhau về vị trí phát âm: /v/ là phụ âm môi - răng, /z/ là phụ âm lợi - đầu lưỡi, /z̥/ là phụ âm quặt lưỡi, /ɣ/ là phụ âm ngạc mềm. Các phụ âm xát vô thanh cũng khác nhau về vị trí phát âm: /s/ là phụ âm lợi - đầu lưỡi, cùng vị trí với phụ âm /z/, /ʂ/ cũng là phụ âm quặt lưỡi cùng vị trí với phụ âm /z̥/, /h/ là phụ âm hầu họng. Sau đây là một số từ có các phụ âm xát.

/s/, /s̺/, /h/, /v/, /z/, /j/ /y/ và các cặp tối thiểu	Các từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt
/s/ - /tʰ/; /s/ - /r/ - /h/ - /ŋ/	sxt - tʰxt; saw - raw - haw - ɲaw	‘tạnh, ngừng (mưa)’ - ‘(trời) mát’; ‘dâu, rề’ - ‘rửa’ - ‘leo, trèo’ - ‘thuốc’
/s̺/ - /l̺/ - /c/ - /ks/ - /tʰ/	ʂat - ɭat - cat (nah) - ksat (ɖak) - (tɛh) tʰat	‘chạy’ - ‘chớp, sét’ - ‘cọ (nồi)’ - ‘tát (nước)’ - ‘(nói) thầm’
/h/ - /pl/ - /ŋ/ - /kʰ/	hăj - plăj - ɲăj - kʰăj	‘ta, mình’ - ‘quả, trái’ - ‘ngày’ - ‘trăng, tháng’
/v/ - /tj/ - /hn/ - /t/	veh - tɛh - hneh - teh	‘tránh, rẽ, queo’ - ‘nói’ - ‘đất’ - ‘chặt (động từ)’
/z/ - /m/ - /l/ - /bl/	zur - mur - lur - blur	‘xuống’ - ‘trượt’ - ‘chọc, trêu, gheo’ - ‘(dao) cùn’
/z̺/ - /m/ - /d̺/ - /kl/ - /p/	z̺ih - mih - d̺ih - klih - pih	‘thịt’ - ‘to, lớn’ - ‘thức’ - ‘kéo xuống, thả’ - ‘(cái) mẹt’
/y/ - /l/ - /m/ - /c/	ɭiem - liem - miem - ciem	‘ôm (động từ)’ - ‘tốt, đẹp’ - ‘mép’ - ‘bón (com)’

Bảng 18: Các phụ âm xát /s s̺ h v z z̺ y/ tiếng Triêng và một số cặp tối thiểu của chúng

l) Các phụ âm lỏng /v j j̺/.

Đây là 3 phụ âm lỏng (approximant) của tiếng Triêng ở thôn Dục Nhầy, xã Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Các phụ âm này phân biệt nhau về vị trí phát âm và kiểu loại sinh âm: /v/ là phụ âm môi - răng, /j/ là phụ âm mặt lưỡi - ngạc cứng. Đây là hai phụ âm lỏng được phát âm với kiểu sinh âm bình thường. Phụ âm /j̺/ cũng là phụ âm môi - răng, nhưng sử dụng kiểu sinh âm kẹt/ nghẹt (creaky voice). Sau đây là các từ có 3 phụ âm lỏng /v j j̺/.

/v/, /j/, /j̺/ và các cặp tối thiểu	Các từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt
/v/ - /pl/ - /h/ - /kʰ/	văj - plăj - hăj - kʰăj	‘ở’ - ‘quả, trái’ - ‘mình (từ xưng hô)’ - ‘trăng, tháng’
/j/ - /b]/ - /p/ - /m̺/	joʔ - ɓoʔ - poʔ - moʔ	‘sợ’ - ‘ông’ - ‘giơ (lên)’ - ‘xấu, bẩn’
/j̺/ - /c/ - /r/ - /r/	(hnɔj) jăw - căw - (ɓuom) răw - răw	‘(ngón) cái’ - ‘cháu’ - ‘(khoai) môn’ - ‘(cá) trê’

Bảng 19: Các phụ âm /v j j̺/ tiếng Triêng và một số cặp tối thiểu

m) Các phụ âm lỏng bên /l l̺ l̺ hl/.

Tiếng Triêng ở thôn Dục Nhầy có 4 phụ âm lỏng bên. Chúng có cùng phương thức phát âm và vị trí phát âm. Chúng phân biệt nhau ở đặc điểm sinh âm: phụ âm /l/ có sinh âm bình thường, phụ âm /l̺/ có sinh âm nghẹt/ kẹt, phụ âm /l̺/ có sinh âm thờ, còn phụ âm /hl/ có sinh âm xát mũi. Dưới đây là các từ tiếng Triêng có các phụ âm lỏng bên /l l̺ l̺ hl/.

/l/, /l̥/, /l̥h/ và các cặp tối thiểu	Các từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt
/l/ - /d̥/ - /hm/ - /d̥/	l̥ḥṅ - d̥ḥṅ - hm̥ḥṅ - d̥ḥṅ	‘mỡ, béo’ - ‘rừng’ - ‘bằng phẳng’ - ‘đứng’
/l̥/ - /t̥/ - /c/ - /kʰ/	l̥oṅ - t̥oṅ - coṅ - kʰoṅ	‘cây, gỗ’ - ‘đường (đi)’ - ‘trôi’ - ‘cháy’
/l̥/ - /s̥/ - /c/ - /ks/ - /tʰ/	l̥at - s̥at - cat (nah) - ksat (ḍak) - (t̥eh) tʰat	‘chớp, sét’ - ‘chạy’ - ‘cọ (nồi)’ - ‘tát (nước)’ - ‘(nói) thăm’
/hl/ - /b]l/ - /k/ - /ʔ/ - /b/	hl̥aṅ - b]l̥aṅ - kaṅ (ti) - ]a] - baṅ	‘(ngôi) sao’ - ‘mọc, lên’ - ‘cánh (tay)’ - ‘anh’ - ‘đổ, ngã’

Bảng 20: Các phụ âm /l l̥ l̥h/ tiếng Triêng và một số cặp tối thiểu

Có hai điểm cần chú ý về các phụ âm đầu đơn tiếng Triêng của chúng tôi như sau: *một là*, bảng. Chúng tôi trình bày bảng theo cách của Hiệp hội Ngữ âm học Quốc tế (IPA). Các phụ âm tiếng Triêng được tạo ra bằng 7 phương thức phát âm và được đặt ở 7 hàng của bảng. *Hai là*, trong tiếng Triêng hiện nay có 4 loại sinh âm được sử dụng: sinh âm bình thường, sinh âm nghẹt, sinh âm thờ, sinh âm xát mũi và tạo thành nhiều đối lập với các âm vị cụ thể khác nhau:

- Các phụ âm có sinh âm bình thường, ví dụ: /p/, /t/, /k/, v.v.;
- Các phụ âm có sinh âm nghẹt, ví dụ: /l̥/, /r̥/, /m̥/, v.v.;
- Các phụ âm có sinh âm thờ, ví dụ: /b̥/, /d̥/, /n̥/, v.v.;
- Các phụ âm có sinh âm xát mũi, ví dụ: /hn̥/, /hm̥/, /hl̥/, v.v.

Đặc biệt, chúng tôi phát hiện tiếng Triêng có một phụ âm /h̥/ dùng đồng thời hai loại sinh âm khác nhau là sinh âm xát mũi và sinh âm thờ. Đặc điểm này khiến cho việc xác định nét thanh tính của /h̥/ khó khăn.

1.1.2. Danh sách mười lăm tổ hợp phụ âm đầu

TT	Tổ hợp phụ âm	Ví dụ	Nghĩa tiếng Việt	TT	Tổ hợp phụ âm	Ví dụ	Nghĩa tiếng Việt		
1	/kl/	kleh	huých	6	/kr/	krək	cú mèo		
		klaŋ	vỡ, bể			krək	con bò		
		klah	vỡ, bể			ʔakrah	cọn cây		
		kloj	bơi			kra	tốt bụng		
		kloh (sɔk)	rụng (tóc)	7	/χr/	χrak	khắc		
		kluʔ	cái bát tô			praʔ	bịa đặt		
		kla	(cái) gai			capreh	(cái) bẫy		
		(lɔŋ) kla	(cây) cọ			praŋ	sậy		
		(plaj) klom	(quả) cà			praŋ	giàn bếp tầng 2		
		kliw	đĩa			priet	chuối		
2	/pl/	klăm	trong (giới từ)	8	/pr/	praj	tham lam		
		kloj	hông			prek	ớt		
		plah	giang (tay)			prək	(con) sóc		
		plaŋ	xòe (tay)			hno praŋ	mùa mưa giông		
		plah	thả (gà)	9	/mr/	maʔ kamrɔw	than vãn		
		plɔŋ	nồi			mraʔ	(chim) công		
		pleŋ	trời	10	/yl/	ylɔŋ	lờm		
		plet	búi (tóc)			ylɔŋ	(chim) bóí cá		
		ploʔ (pãr)	lột (da)			ylɛʔ	giả, dối		
		plah (ʔier)	thả (gà)			ylaj ylɔh	thừa thãi		
plɛʔ cãk	đặt tên	ɓloh	bảo						
pla (hameɔ)	lưỡi (dao)	ɓliʔ	sai, khiến						
3	/yr/	plɔh	(cái) cửa	11	/bl/	ɓloh	nhắc		
		plaj	quả, trái			ɓlur	(dao) cùn		
		cim plew	chim chào mào			ɓl]	tro		
		plun	nòng nọc			ɓlo]	tró, nôn		
		(beh) plãw	(rắn) ráo	(priet) ɓlɔk	(chuối) tiêu				
		plem	con vắt	ɓlãŋ	sả				
		plak	nhão	ɓlik	vẹt				
		plah (ti)	sải (tay)	ɓl]w	cá trê				
		pleʔ plãŋ	áp úng	ɓloh ɔ	dạy bảo				
		(ciŋ) plɔŋ	chòng chành	ɓlak	con gián				
4	/ks/	yrɔt	co (tay)	12	/br/	ɓl]k rɔah	ngà voi		
		yr]ŋ (hameʔ)	sống (dao)			(cɔ) ɓlɔŋ	(chó) sói		
		lip yron	con dế			(liep) ɓlɔ	chập chòn		
		yr]m	sấm			ɓraj	sợi dệt		
		ksup	úp	ɓraw	(quả) dừa				
		ksu (t]ŋ)	lấp (đường đi)	(priet) ɓraŋ	(chuối) tây				
		ksaj	cơm	ɓri	trời, rừng				
		ksat (ɖak)	tát (nước)	ɓri	ngoài (giới từ)				
		ksieŋ	xương	ɓraj	thừa				
		ksaj	cơm	ɓri]l	nhanh				
5	/ml/	kse (pol)	dây (câu)	13	/ps/	ɓr]l	nhanh		
		ceʔ ksãn	rau dớn			ɓr]ŋ ɓrel	nhanh nhẹn		
		qaŋ ksũm	điều hâu			rul ɓral	vội vàng		
		cim ksik	chim én			psit	nằm		
		nɔh ksuol	nóng nảy	(ɖoh) hmra	tương lai gần				
		mliŋ	ngĩ	(nãj) hmra	(ngày) kia				
		6	/kr/	kreh	chải (tóc)	14	/hmr/	(nãj) hmre	(ngày) kia
				krɔj	mãi (động từ)			(nãj) hmreɛk	1 (ngày) sau ngày kia
				kriŋ (swan)	rào (vườn)			(nãj) hmraɔl	2 (ngày) sau ngày kia
				kruon (rɔt / puh)	sốt (rét / nóng)			hmla	trượt
kron (ʔier)	nhốt (gà)								

Bảng 21: Danh sách 15 tổ hợp phụ âm tiếng Triêng ở thôn Dục Nhầy

Tổ hợp phụ âm /b̥l/ có 2 biến thể [b̥l] và [bl], trong đó [b̥l] xuất hiện ở nhiều từ, còn [bl] xuất hiện ở ít từ. Tư liệu của chúng tôi chỉ có 2 từ tiếng Triêng có biến thể [bl]:

Biến thể [bl]	Từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt
[bl]	blah	‘tám gạo’
	ʔun blok	‘đom đóm’

**Bảng 22: Biến thể [bl] của tổ hợp phụ âm /b̥l/ tiếng Triêng**

Trong khi đó biến thể [b̥l] xuất hiện ở hàng loạt từ tiếng Triêng, ví dụ:

Biến thể [b̥l]	Từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt
[b̥l]	b̥loh	bảo
	b̥liɛʔ	sai, khiến
	b̥loh	nhắc
	b̥lur	(dao) cùn
	b̥lo	tro
	b̥loʔ	trớ, nôn
	(priet) b̥]lok	(chuối) tiêu
	b̥lɔŋ	sả
	b̥lik	vẹt
	b̥lew	cá trê
	b̥loh tɔ	dạy bảo
	b̥lak	con gián
	b̥lok roah	ngà voi
	(cɔ) b̥lɔŋ	(chó) sói
	(liep) b̥lɔ	chập chòn

**Bảng 23: Biến thể [b̥l] của tổ hợp phụ âm /b̥l/ tiếng Triêng**

Nhìn chung, xét về cấu tạo, các tổ hợp phụ âm đầu tiếng Triêng có mấy điểm đáng chú ý, thứ nhất, chỉ có các tổ hợp hai phụ âm và trong tổ hợp hai phụ âm này thì phụ âm thứ nhất có thể là một phụ âm bất kì trong số 46 phụ âm trong khi đó phụ âm thứ hai thường là một trong ba phụ âm /l/, /r/, /s/.

**1.2. Phụ âm cuối tiếng Triêng**

**1.2.1. Danh sách mười một phụ âm cuối đơn**

Vị trí Phương thức	Hai môi	Lợi - đầu lưỡi	Mặt lưỡi - Ngạc	Mạc	Họng
Tắc nỏ	p	t		k	ʔ
Mũi		m	n		ŋ
Xát					h
Lông		w		j	
Lông bên			l		

**Bảng 24: Các phụ âm cuối đơn tiếng Triêng**

Các phụ âm cuối đơn vừa giống vừa khác so với các phụ âm đầu đơn tương ứng. Chúng giống nhau ở chỗ đều được tạo ra ở nhiều vị trí phát âm khác nhau trong bộ máy phát âm, bằng nhiều phương thức phát âm khác nhau, có nét thanh tính (hữu

thanh/vô thanh). Tuy nhiên, chúng khác nhau ở chỗ, *thứ nhất*, số lượng các phụ âm cuối đơn ít hơn số lượng các phụ âm đầu đơn, chỉ bằng 26,08% (so sánh 12 và 46); *thứ hai*, các phụ âm cuối được tạo ra ở năm vị trí khác nhau, trong khi các phụ âm đầu đơn được tạo ra ở tám vị trí trong bộ máy phát âm; *thứ ba*, các phụ âm cuối được phát âm bằng 5 phương thức, trong khi số lượng các phương thức phát âm tạo ra các phụ âm đầu là 7; *thứ tư*, chất lượng các phụ âm cuối đơn khác với chất lượng các phụ âm đầu đơn tương ứng ở chỗ, nếu các phụ âm đầu được phát âm mạnh ở đầu thì các phụ âm cuối mạnh ở cuối. Cuối cùng là sự khác biệt về chức năng. Các phụ âm đầu có chức năng mở đầu âm tiết. Còn các phụ âm cuối có chức năng đóng/khép hay kết thúc âm tiết. Dưới đây chúng tôi trình bày các bối cảnh ngữ âm đồng nhất là các từ tiếng Bhnong chuẩn có chứa các phụ âm cuối đơn:

TT	Các phụ âm cuối đơn	Các từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt
1	/p/	kiep - kiel (hñăñ) - kiel (k <sup>h</sup> ieŋ) - kieʔ	‘gắp (thức ăn)’ - ‘nghiên (răng)’ - ‘găm (xương)’ - ‘chăn (trâu, bò)’
2	/t/	kit - ki; ɓut - bɓuʔ - ɓum - ɓuh	‘éch, nhái’ - ‘nó’; ‘làng, thôn’ - ‘vun (gốc)’ - ‘khoai, củ’ - ‘luộc’
3	/k/	muok - muol (kɔŋ) - muoj	‘(cái) mũ’ - ‘tra (hạt)’ - ‘(số) 1’
4	/ʔ/	tɔʔ - tɔŋ; zɪʔ - zɪh	‘nặng’ - ‘đong (gạo)’; ‘ôm, đau’ - ‘thịt’
5	/m/	(kial) kɔm - kɔn - kɔh - kɔl	‘(gió) thổi’ - ‘con’ - ‘vót’ - ‘cạo’
6	/n/	kun - kuŋ - ku - kuh	‘chờ, đợi’ - ‘đập (động từ)’ - ‘cồng, cũi’ - ‘đôi’
7	/ŋ/	kaŋ - ka - kal - kal	‘cắm’ - ‘cá’ - ‘gió’ - ‘trán’
8	/h/	kɔh - kɔh - kɔn - (kial) kɔm - kɔl	‘(số) 1’ - ‘vót’ - ‘con’ - ‘(gió) thổi’ - ‘cạo’
9	/w/	kiɛw - kiep - kiel - kieʔ	‘xoài, muôm’ - ‘gắp (thức ăn)’ - ‘nghiên (răng)’ - ‘chăn (trâu, bò)’
10	/j/	koj - koŋ - kok (ksieŋ) - koʔ	‘năm’ - ‘nương rẫy’ - ‘tủy (xương)’ - ‘động (động từ)’
11	/l/	kal - ka - kaŋ - kah (lɔŋ)	‘gió’ - ‘cá’ - ‘cắm’ - ‘tĩa (cây)’

**Bảng 25: Các bối cảnh ngữ âm đồng nhất là các từ tiếng Bhnong chuẩn có chứa các phụ âm cuối**

1.2.2. Danh sách ba tổ hợp phụ âm cuối: /wʔ wh jʔ/

TT	Các tổ hợp phụ âm cuối	Từ tiếng Triêng	Nghĩa tiếng Việt
1	wʔ	ʔiewʔ - cǎwʔ	‘sợ’ - ‘cháu’
2	wh	rǎwh	‘rơi’
3	jʔ	kurajʔ	‘hắc lào’

**Bảng 26: Các tổ hợp phụ âm cuối tiếng Triêng**

Tương tự như các phụ âm cuối đơn, các tổ hợp phụ âm cuối cũng vừa có điểm giống vừa có điểm khác với các tổ hợp phụ âm đầu xét về cấu tạo. Chúng giống nhau ở chỗ đều là các tổ hợp hai phụ âm. Trong tổ hợp hai phụ âm có phụ âm thứ nhất là /w/ hoặc /j/, còn phụ âm thứ hai là /h/ hoặc /ʔ/. Chúng khác nhau ở một số điểm: một là, số lượng

các tổ hợp phụ âm. Trong tiếng Triêng chỉ có ba tổ hợp phụ âm cuối, trong khi có 15 tổ hợp phụ âm đầu. Hai là, trong tổ hợp phụ âm, trật tự xuất hiện các phụ âm thành viên cũng khác nhau. Nếu ở các tổ hợp phụ âm đầu, phụ âm thứ nhất là một trong số 46 phụ âm, còn phụ âm thứ hai là một trong 3 phụ âm /l/, /r/, /s/ thì ở các tổ hợp phụ âm cuối, phụ âm thứ nhất là /j/ hoặc /w/, còn phụ âm thứ hai là /h/ hoặc /ʔ/.

## 2. Kết luận

Tiếng Triêng hiện nay ở thôn Dục Nhầy, xã Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum có tất cả 61 phụ âm đơn và tổ hợp phụ âm. Các phụ âm và tổ hợp phụ âm làm âm đầu và âm cuối của các từ. Các phụ âm khác nhau được phân biệt bởi các đặc điểm phát âm của chúng: vị trí phát âm, phương thức phát âm, tiếng thanh, bật hơi và không bật hơi, v.v. đặc biệt, chúng sử dụng 4 kiểu loại sinh âm bình thường, nghẹt, thờ, xát mũi để tạo ra nhiều đối lập âm vị học với nhiều phụ âm cụ thể./.

## Tài liệu tham khảo

### Tiếng Việt

1. Bùi Đăng Bình (2011). *Chữ viết Bhnong*. Ủy ban Nhân dân huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam (đồng tác giả với Nguyễn Văn Thanh), Quảng Nam.
2. Bùi Đăng Bình (2011). *Tiếng Bhnong (Bhow Bhnong)*. Ủy ban Nhân dân huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam (đồng tác giả Nguyễn Văn Thanh), Quảng Nam.
3. Bùi Đăng Bình (2011). *Từ điển Việt-Bhnong*. Ủy ban Nhân dân huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam (đồng tác giả Nguyễn Văn Thanh), Quảng Nam.
4. Bùi Đăng Bình (2011). *Sách Bài tập tiếng Bhnong*. Ủy ban Nhân dân huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam (đồng tác giả Nguyễn Văn Thanh), Quảng Nam.
5. Bùi Đăng Bình (2011). *Tiếng Bhnong trong tiến trình trở thành ngôn ngữ thành văn*. Hội thảo Ngữ học toàn quốc, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam - Đại học Ngoại ngữ Đà Nẵng, Đà Nẵng. (đồng tác giả Nguyễn Văn Thanh)
6. Bùi Đăng Bình (2020). *Hệ thống phụ âm của tiếng Bhnong ở tỉnh Quảng Nam*. Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội, 7 (451) 2020, Hà Nội, 2020.
7. Bùi Đăng Bình (2020). *Ngữ âm tiếng Bhnong qua các thổ ngữ*. Luận văn thạc sĩ chuyên ngành ngôn ngữ học. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội, 2020.
8. Bùi Đăng Bình (2020). *Khảo sát hệ thống nguyên âm tiếng Giẻ - Triêng (trường hợp nguyên âm tiếng Ve)*. Đề tài Khoa học cấp cơ sở, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội, 2020.
9. Nguyễn Hữu Hoàn (2004). *Về mối quan hệ ngôn ngữ giữa các nhóm địa phương thuộc dân tộc Giẻ-Triêng*. Tạp chí Ngôn ngữ, số 7, Hà Nội
10. Hồ Xuân Kiều (1988). *Góp thêm một vài ý kiến xung quanh vấn đề xác định vị trí của tiếng Pơ noong trong các ngôn ngữ Bahnar Bắc*. Trong “Những vấn đề ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á”. Nxb KHXH, Hà Nội
11. Nguyễn Văn Lợi (1977). *Sự phân loại và tình hình phân bố ngôn ngữ các dân tộc ở miền Nam nước ta*. Tạp chí “Ngôn ngữ”, № 1, H., tr: 41-54

12. Hoàng Văn Ma (2011). *Ngữ pháp tiếng Bhnong*. Ủy ban Nhân dân huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam. Quảng Nam, 2011.

**Tiếng Anh**

13. Thomas, David and Robert K.Headley, JR (1962). *More on Mon – Khmer subgroupings*. *Lingua*, N., 25, pp. 398-418

14. Patrick D. Kohen (1966). *Presyllables and Reduplication in Jeh* “Mon – Khmer Studies”, Sài Gòn, N.II, pp: 31-40

15. Dwight Gradin (1966). *Consonantal Tone in Jeh Phonemics*, “Mon – Khmer Studies”, Sài Gòn, N.II, pp: 41-54

16. James and Nancy Cooper (1966). *Halăng Phonemics*, Sài Gòn, N.II, pp: 87-98

17. James S. Cooper (1973). *An Ethnography of Halăng Rhymes*, “Mon – Khmer Studies”, Sài Gòn, N.IV, pp: 33-42.

Nhận ngày 2/11/2022

Trao đổi với tác giả ngày 5/9/2022

Biên tập ngày 4/11/2022

Đăng ngày 11/2022